



Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP
VÀ CÔNG TY CON**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026**



Được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCs)

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	
- Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 41

501
CÔN
TN
CH VỤ
CHÍNH
VÀ KIẾ
PHÍA
- T.P

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp ("sau đây gọi tắt là Công ty") trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và Công ty con ("sau đây gọi tắt là Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798, thay đổi lần 17 ngày 03 tháng 04 năm 2026 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2026 là: 30.415.420.000 đồng

Trụ sở của Công ty : Số 34, Đường ĐT 743, Phường Tân Đông Hiệp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại : (0274) 3 749 080 **Fax** : (0274) 3 749 080

Người đại diện pháp luật : Ông Lâm Thành Lâm – Giám đốc Công ty

Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).

Mô hình hoạt động: Công ty có 01 Chi nhánh và 01 Công ty con.

Tên Chi nhánh: Chi nhánh Bình Phước – Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp

Hoạt động chính: Sản xuất đá xây dựng

Địa chỉ: Ấp 1, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã bán 02 máy xay đá tại Chi nhánh Bình Phước. Hiện nay, Chi nhánh Bình Phước đang dừng sản xuất.

Công ty con được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tên công ty con: Công ty Cổ Phần Sông Phan

Hoạt động chính: Sản xuất gạch xây dựng

Địa chỉ: Thôn An Bình, Xã Tân Lập, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Số điện thoại: (0252) 3 606 143 **Fax:** (0252) 3 877 700

Hiện nay, Công ty Cổ Phần Sông Phan đang dừng sản xuất.

Công ty con không được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Không có.

Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026:

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2026 đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

bổ trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám Đốc và Kế toán trưởng:

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám Đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Phạm Thanh Liêm	Việt Nam	Chủ tịch	01/01/2026	-
		Thành viên	19/04/2024	-
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Thành viên	22/04/2022	-
		Chủ tịch	22/04/2022	01/01/2026
- Bà Lâm Thị Mai	Việt Nam	Thành viên	22/04/2022	-
- Ông Lâm Thành Lâm	Việt Nam	Thành viên	18/04/2025	-
- Bà Bùi Hoài Châu	Việt Nam	Thành viên	19/04/2024	-
		ĐQT độc lập		

Ban kiểm soát

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Huỳnh Minh Tâm	Việt Nam	Trưởng ban	22/4/2022
- Bà Phan Thị Thuyền Hương	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022
- Ông Hồ Huyền Trang	Việt Nam	Thành viên	22/4/2022

Ban Giám đốc Công ty

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>
- Ông Lâm Thành Lâm	Việt Nam	Giám đốc	01/08/2023

Kế toán trưởng

- Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Việt Nam		01/01/2006
----------------------------	----------	--	------------

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Nhóm Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này;

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

- Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán áp dụng. Đồng thời chịu trách nhiệm trong việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2026



LÂM THÀNH LÂM

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026, kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2026.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2026



PHẠM THANH LIÊM

Số: 674 /BCSX/TC/2026/AASCS

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Ngói Nhị Hiệp và công ty con (sau đây gọi tắt là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 13/08/2026, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên:

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên:

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 30/6/2026 và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2026

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCs**

Phó Tổng Giám đốc



Lưu Vinh Khoa

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0166-2023-142-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Đã phân loại lại)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		55.029.271.034	23.116.837.922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.1	11.827.921.423	9.021.331.536
1. Tiền	111		1.827.921.423	1.399.674.036
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	7.621.657.500
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6.2	18.070.456.750	2.530.563.500
1. Chứng khoán kinh doanh	121		26.044.046	26.044.046
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(22.587.296)	(22.480.546)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		18.067.000.000	2.527.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		23.582.847.193	5.029.026.457
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.3	21.928.524.339	5.056.856.143
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		694.967.422	11.339.178
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	6.4.1	1.170.005.128	176.480.832
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	6.3	(210.649.696)	(215.649.696)
IV. Hàng tồn kho	140	6.5	1.367.788.798	3.847.223.619
1. Hàng tồn kho	141		1.605.772.141	4.085.206.962
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(237.983.343)	(237.983.343)
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		180.256.870	2.688.692.810
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	6.6.1	24.913.332	364.436.669
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		40.801.707	2.324.256.141
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	163	6.13	114.541.831	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		15.589.582.567	63.952.488.317
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		677.232.833	473.600.614
1. Phải thu dài hạn khác	215	6.4.2	677.232.833	473.600.614
II. Tài sản cố định	220		6.244.417.707	59.005.172.743
1. Tài sản cố định hữu hình	221	6.7	5.763.649.153	58.515.250.253
- Nguyên giá	222		19.559.420.877	79.176.920.877
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.795.771.724)	(20.661.670.624)
2. Tài sản cố định vô hình	227	6.8	480.768.554	489.922.490
- Nguyên giá	228		860.470.113	860.470.113
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(379.701.559)	(370.547.623)
III. Bất động sản đầu tư	240	6.9	1.116.999.860	1.138.267.784
- Nguyên giá	241		3.888.410.818	3.888.410.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(2.771.410.958)	(2.750.143.034)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250	6.10	6.011.846.457	1.599.555.556
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		6.011.846.457	1.599.555.556
V. Tài sản dài hạn khác	270		1.539.085.710	1.735.891.620
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	6.6.2	1.539.085.710	1.718.813.440
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		-	17.078.180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		70.618.853.601	87.069.326.239

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2026	01/01/2026 (Đã phân loại lại)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.113.696.831	26.415.787.226
I. Nợ ngắn hạn	310		10.113.696.831	12.907.521.451
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	6.11	5.589.310.985	6.042.514.141
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	6.12	624.770.741	399.826.227
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	6.13	1.826.399.682	700.004.889
4. Phải trả người lao động	315		497.767.069	1.208.707.720
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	6.14	115.000.000	411.084.822
6. Phải trả ngắn hạn khác	320	6.15	1.372.909.500	1.419.539.442
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	6.16.1	-	2.571.432.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	75.419.100
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		87.538.854	78.993.110
II. Nợ dài hạn	330		-	13.508.265.775
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	6.16.2	-	13.499.994.000
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	8.271.775
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	6.17	60.505.156.770	60.653.539.013
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.415.420.000	30.415.420.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.415.420.000	30.415.420.000
2. Thặng dư vốn	412		209.074.994	209.074.994
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		24.579.153.105	23.242.692.505
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.176.618.750	6.655.297.794
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		4.833.030.131	1.359.455.514
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	420b		343.588.619	5.295.842.280
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		124.889.921	131.053.720
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		70.618.853.601	87.069.326.239

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật







NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

LÂM THÀNH LÂM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.1	59.073.650.668	44.650.875.287
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	7.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	7.1	59.073.650.668	44.650.875.287
4. Giá vốn hàng bán	11	7.2	53.359.243.900	40.080.945.600
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.714.406.768	4.569.929.687
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7.3	163.104.268	121.772.693
8. Chi phí tài chính	23	7.4	450.391.827	283.764.537
- Trong đó: Chi phí đi vay	24		450.285.077	284.241.483
9. Chi phí bán hàng	25	7.5	544.715.659	583.264.267
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	7.6	2.799.167.989	2.048.636.881
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(23+25+26))	30		2.083.235.561	1.776.036.695
12. Thu nhập khác	31	7.7	-	138.888.889
13. Chi phí khác	32	7.8	1.475.924.418	819.743.708
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(1.475.924.418)	(680.854.819)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		607.311.143	1.095.181.876
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	7.9	261.079.918	222.668.676
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	7.10	8.806.405	(2.115.080)
18. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		337.424.820	874.628.280
- Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		343.588.619	882.270.383
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm	62		(6.163.799)	(7.642.103)
19. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	7.11	102	261
20. Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	71	7.12	102	261

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

LÂM THÀNH LÂM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		607.311.143	1.095.181.876
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.075.813.290	2.916.931.519
- Các khoản dự phòng	03		(4.893.250)	(3.512.804)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(163.104.268)	(253.483.482)
- Chi phí đi vay	06		450.285.077	284.241.488
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.965.411.992	4.039.358.592
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.916.358.011	746.315.211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2.479.434.821	99.001.669
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		977.183.250	4.270.861.791
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		810.317.239	(852.669.621)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(450.285.077)	(284.241.483)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(926.233.009)	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(455.070.500)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.317.116.727	8.018.626.159
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(5.765.558.246)	(29.074.457.143)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		32.654.695.638	138.888.889
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(21.067.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.527.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		211.761.768	125.169.993
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		11.560.899.160	(28.810.398.261)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.2	-	18.000.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	8.3	(16.071.426.000)	(642.858.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.071.426.000)	17.357.142.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		2.806.589.887	(3.434.630.102)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.1	9.021.331.536	8.307.354.735
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	6.1	11.827.921.423	4.872.724.633

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật



NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

LÂM THÀNH LÂM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú *bằng* đồng tiền khác)**1. Đặc điểm hoạt động của Công ty****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp (sau đây gọi tắt là "Công ty") được hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700358798, thay đổi lần thứ 17 ngày 03 tháng 04 năm 2026 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty được thay đổi qua các năm như sau:

Thay đổi lần thứ 1 ngày 01/07/2002 với vốn điều lệ là 11.204.100.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 2 ngày 05/05/2003 với vốn điều lệ là 12.324.510.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 3 ngày 04/05/2004 với vốn điều lệ là 12.816.970.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 4 ngày 20/09/2005 với vốn điều lệ là 13.360.610.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 5 ngày 05/12/2007 với vốn điều lệ là 14.354.790.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 6 ngày 26/12/2008 với vốn điều lệ là 15.207.710.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 10 ngày 24/04/2015 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng;
Thay đổi lần thứ 17 ngày 03/04/2026 với vốn điều lệ là 30.415.420.000 đồng.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 30/06/2025: 30.415.420.000 đồng.

1.2. Hoạt động của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

- Sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại;
- Kinh doanh các loại vật liệu xây dựng khác;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Cho thuê mặt bằng nhà xưởng (thực hiện theo quy hoạch của tỉnh).

1.3. Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.**1.4. Cấu trúc doanh nghiệp**

Công ty là công ty liên kết của Công ty Cổ phần Vật liệu và Xây dựng Bình Dương;

Mô hình hoạt động: Công ty có 01 Chi nhánh và 01 Công ty con.

Tên Chi nhánh: Chi nhánh Bình Phước – Công ty CP Gạch Ngói Nhị Hiệp

Hoạt động chính: Sản xuất đá xây dựng.

Địa chỉ : Ấp 1, Xã Đồng Phú, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã bán 02 máy xay đá tại Chi nhánh Bình Phước. Hiện nay, Chi nhánh Bình Phước đang dừng sản xuất.

Công ty con được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Tên công ty con: Công ty Cổ Phần Sông Phan

Hoạt động chính: Sản xuất gạch ngói.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Địa chỉ : Thôn An Bình, Xã Tân Lập, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam**Số điện thoại** : (0252) 3 606 143**Fax:** (0252) 3 877 700

Ngày 10/06/2016 được xác định là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Phan.

Hiện nay, Công ty Cổ phần Sông Phan đang dừng sản xuất.

Công ty con không được hợp nhất khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ: Không có.**2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán****2.1 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty Cổ phần Gạch ngói Nhị Hiệp bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Niên độ kế toán đầu tiên của Công ty Cổ phần Sông Phan bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Công ty đã áp dụng phi hồi tố các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh có liên quan.

3.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy tính.

4. Cơ sở hợp nhất**(a) Công ty con**

Công ty con là những đơn vị mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết tiềm tàng có thể được thực thi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty mẹ có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Báo cáo tài chính của các công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(b) Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư, giao dịch trong nội bộ và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các Công ty liên doanh, liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào các khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Công ty mẹ tại Công ty liên doanh, liên kết.

(d) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Công ty mẹ. Quyền kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

5. Các chính sách kế toán áp dụng**5.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:**

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền: Là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi gốc không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam. Khoản thấu chi ngân hàng được phản ánh tương tự như khoản vay ngân hàng.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: Theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Vàng tiền tệ: Theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

5.2. Nguyên tắc xác định các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác nhằm mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm báo cáo và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng, tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn: Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sẵn sàng bán sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5.4. Nguyên tắc ghi nhận khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo.

5.5. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư**Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, bất động sản đầu tư**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Công ty trích khấu hao TSCĐ, bất động sản đầu tư vào chi phí SXKD đối với TSCĐ, bất động sản đầu tư có liên quan đến SXKD.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và bất động sản đầu tư : Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	04-25	năm
Máy móc, thiết bị	05-15	năm
Thiết bị văn phòng	05-08	năm
Phương tiện vận tải	10	năm
Quyền sử dụng đất	49	năm

5.6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí chờ phân bổ

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Các chi phí trả trước có giá trị lớn cần được phân bổ dần trong nhiều quý nhưng không quá 01 năm tài chính hoặc không quá một chu kỳ sản xuất thông thường được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn, còn các khoản chi phí trả trước trên 12 tháng hoặc trên một chu kỳ sản xuất thông thường được trình bày là chi phí trả trước dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5.7. Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay và chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay: Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác

- **Chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.
- **Chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

5.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- **Phải trả người bán:** các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- **Phải trả nội bộ:** các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- **Phải trả khác:** các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận là chi phí sản xuất hoạt động trong kỳ báo cáo theo điều khoản trong các hợp đồng tương ứng.

5.10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Một khoản dự phòng cho các khoản chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp chỉ được ghi nhận khi có đủ các điều kiện ghi nhận đối với các khoản dự phòng theo quy định tại Chuẩn mực kế toán "Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng".

Các khoản dự phòng phải trả được trích lập hay hoàn nhập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật. Các khoản dự phòng phải trả khi trích lập ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Riêng đối với khoản dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hóa được ghi nhận vào chi phí bán hàng; khoản dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận vào chi phí SX chung và hoàn nhập vào thu nhập khác.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

5.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
 - Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.
- Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú *bằng* đồng tiền khác)

giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thẳng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

5.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty:



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

5.13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

5.14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

5.15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

5.16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

5.17. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2026	01/01/2026 (Đã phân loại lại)
- Tiền mặt	369.195.533	181.868.620
- Tiền gửi không kỳ hạn (VND)	1.458.725.890	1.217.805.416
+ Ngân hàng BIDV	1.421.381.165	1.086.339.536
+ Ngân hàng khác	16.206.833	37.880.401
- Tương đương tiền (*)	10.000.000.000	7.600.000.000
- Lãi dự thu tương đương tiền	-	21.657.500
Cộng	11.827.921.423	9.021.331.536

(*) Tại ngân hàng BIDV

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÔI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 Đ1743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .2 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

		01/01/2026			
		30/06/2026			
	Số CP sở hữu	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
a. Chứng khoán kinh doanh					
Công ty CP Xuất khẩu lao động (ILC)	500	25.480.000	2.900.000	(22.580.000)	(22.030.000)
Cổ phiếu khác	61	564.046	556.750	(7.296)	(450.546)
Cộng	561	26.044.046	3.456.750	(22.587.296)	(22.480.546)

Tại ngày lập báo cáo này, giá trị hợp lý của khoản đầu tư này được xác định dựa trên giá đóng cửa của lần lượt tại ngày 30/06/2026 và 31/12/2025.

b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		01/01/2026 (Đã phân loại lại)			
		30/06/2026			
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	
- Chi tiết số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng như sau:					
+ Ngân hàng BIDV		12.500.000.000	12.500.000.000	-	-
+ Ngân hàng Viettel		3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
+ Ngân hàng OCB		2.567.000.000	2.567.000.000	-	-
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		-	-	-	-
Cộng		18.067.000.000	18.067.000.000	-	-
Tổng cộng		18.093.044.046	18.070.456.750	(22.587.296)	(22.480.546)

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.3 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn khách hàng:				
- Công Ty Cổ Phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ Đại Lộc Phát	2.851.991.939	-	1.106.439.769	-
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Sản Xuất Xuất Nhập Khẩu Nam Tiến	70.389.073	-	102.847.063	-
- Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Xây Dựng Phước	155.211.930	-	120.101.185	-
- Công Ty TNHH Bê Tông Hồng Tín Bình Dương	12.531.130	-	732.369.019	-
- Công Ty TNHH Bê Tông Xanh DNP	80.819.887	-	767.090.858	-
- Công ty TNHH Phúc Phương	146.805.896	(146.805.896)	151.805.896	(151.805.896)
- Các đối tượng khác	176.760.452	(63.843.800)	322.202.631	(63.843.800)
b. Phải thu ngắn hạn các bên liên quan:				
- Công Ty Cổ Phần Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	18.434.014.032	-	1.753.999.722	-
Cộng	21.928.524.339	(210.649.696)	5.056.856.143	(215.649.696)

**6.4 PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
6.4.1 Ngắn hạn				
- Tạm ứng	1.139.539.108	-	165.308.764	-
- Khác	30.466.020	-	11.172.068	-
Cộng	1.170.005.128	-	176.480.832	-
6.4.2 Dài hạn				
- Ký quỹ phục hồi môi trường mỏ sét	650.112.604	-	446.480.385	-
- Ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án khai thác mỏ sét	27.120.229	-	27.120.229	-
Cộng	677.232.833	-	473.600.614	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .5 HÀNG TỒN KHO

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	1.147.802.542	(216.986.657)	1.396.285.015	(216.986.657)
- Công cụ, dụng cụ	292.234.062	-	312.897.975	-
- Thành phẩm	61.192.534	(20.996.686)	61.192.534	(20.996.686)
- Hàng hóa	104.543.003	-	2.314.831.438	-
Cộng	1.605.772.141	(237.983.343)	4.085.206.962	(237.983.343)

- Hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm cuối kỳ là 1.040.235.465 đồng và thời điểm đầu năm là 852.920.005 đồng;

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm cuối kỳ và đầu năm;

6 .6 CHI PHÍ CHỜ PHÂN BỐ

	30/06/2026	01/01/2026
6.6.1. Ngắn hạn		
- Chi phí sửa chữa máy móc thiết bị	-	360.800.000
- Công cụ dụng cụ	24.913.332	3.636.669
Cộng	24.913.332	364.436.669
6.6.2. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa	709.015.711	794.588.805
- Chi phí san lấp mặt bằng	458.312.270	586.508.054
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ sét Tân Lập 2	115.000.000	-
- Chi phí khác	256.757.729	337.716.581
Cộng	1.539.085.710	1.718.813.440

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

6.7 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
Nguyên giá					
Số dư tại ngày 01/01/2026	13.702.860.494	63.317.402.454	2.156.657.929	-	79.176.920.877
Số tăng trong kỳ	-	-	382.500.000	-	382.500.000
- Mua trong kỳ	-	-	382.500.000	-	382.500.000
Số giảm trong kỳ	-	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	60.000.000.000	-	-	60.000.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2026	13.702.860.494	3.317.402.454	2.539.157.929	-	19.559.420.877
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư tại ngày 01/01/2026	(8.411.448.967)	(10.727.367.021)	(1.522.854.636)	-	(20.661.670.624)
Số tăng trong kỳ	(397.170.660)	(1.489.766.617)	(158.454.153)	-	(2.045.391.430)
- Khấu hao trong kỳ	(271.536.138)	(1.679.166.666)	(94.688.626)	-	(2.045.391.430)
- Phân loại lại	(125.634.522)	189.400.049	(63.765.527)	-	-
Số giảm trong kỳ	-	8.911.290.330	-	-	8.911.290.330
- Thanh lý, nhượng bán	-	8.911.290.330	-	-	8.911.290.330
Số dư tại ngày 30/06/2026	(8.808.619.627)	(3.305.843.308)	(1.681.308.789)	-	(13.795.771.724)
Giá trị còn lại					
Số dư tại ngày 01/01/2026	5.291.411.527	52.590.035.433	633.803.293	-	58.515.250.253
Số dư tại ngày 30/06/2026	4.894.240.867	11.559.146	857.849.140	-	5.763.649.153

11729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TƯ
VẤN KẾ
TOÁN
KIỂM TO
ÁI
HÀ NAM
T.P.HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.8 TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Cộng
Nguyên giá		
Số dư tại ngày 01/01/2026	860.470.113	860.470.113
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2026	860.470.113	860.470.113
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư tại ngày 01/01/2026	(370.547.623)	(370.547.623)
Số tăng trong kỳ	(9.153.936)	(9.153.936)
- Khấu hao trong kỳ	(9.153.936)	(9.153.936)
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2026	(379.701.559)	(379.701.559)
Giá trị còn lại		
Số dư tại ngày 01/01/2026	489.922.490	489.922.490
Số dư tại ngày 30/06/2026	480.768.554	480.768.554
Ghi chú:	30/06/2026	01/01/2026
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay :	Không có	Không có
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng :	Không có	Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .9 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	01/01/2026	Tăng trong năm	Giảm trong năm	30/06/2026
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	3.888.410.818	-	-	3.888.410.818
- Quyền sử dụng đất	1.999.184.634	-	-	1.999.184.634
- Nhà cửa và vật kiến trúc	1.742.548.507	-	-	1.742.548.507
- Máy móc thiết bị	146.677.677	-	-	146.677.677
Giá trị hao mòn lũy kế	(2.750.143.034)	(21.267.924)	-	(2.771.410.958)
- Quyền sử dụng đất	(860.916.850)	(21.267.924)	-	(882.184.774)
- Nhà cửa và vật kiến trúc	(1.742.548.507)	-	-	(1.742.548.507)
- Máy móc thiết bị	(146.677.677)	-	-	(146.677.677)
Giá trị còn lại	1.138.267.784	-	21.267.924	1.116.999.860
- Quyền sử dụng đất	1.138.267.784	-	21.267.924	1.116.999.860
Ghi chú:			30/06/2026	01/01/2026
- Giá trị còn lại cuối kỳ của BĐS đầu tư dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay:			Không có	Không có
- Nguyên giá BĐSĐT cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá:			1.889.226.184	1.889.226.184

6 .10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Chi phí tư vấn lập hồ sơ đề xuất chỉ tiêu quy hoạch tại khu vực phát triển đô thị mới giáp cầu Tân Vạn.	400.000.000	Chưa đánh giá	400.000.000	Chưa đánh giá
- Chi phí tư vấn lập hồ sơ đề xuất phương án phát triển khu đô thị mới khu vực giáp cầu Tân Vạn.	386.875.000	Chưa đánh giá	355.555.556	Chưa đánh giá
- Nhận chuyển nhượng đất để làm mỏ sét Tân Lập 2	3.426.850.266	Chưa đánh giá	844.000.000	Chưa đánh giá
- Tiến cấp quyền khai thác mỏ sét Phước Vĩnh 2	1.561.693.568	Chưa đánh giá	-	-
- Nâng cấp, cải tạo tài sản cố định	236.427.623	Chưa đánh giá	-	-
Cộng	6.011.846.457	-	1.599.555.556	-

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty chưa đánh giá giá trị có thể thu hồi của các khoản mục nêu trên, nhưng Ban lãnh đạo Công ty khẳng định giá trị có thể thu hồi không thấp hơn giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .11 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
a. Phải trả người bán ngắn hạn		
- Công ty TNHH Phúc Ngân Kim	2.780.778.616	-
- Công ty TNHH Cơ Khí Phát Lam Giang	-	341.476.200
- Các công ty khác	154.726.115	1.027.391.536
b. Phải trả người bán là các bên liên quan		
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ	2.653.806.254	2.486.284.230
- Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	-	2.187.362.175
Cộng	<u>5.589.310.985</u>	<u>6.042.514.141</u>

6 .12 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>30/06/2026</u>	<u>01/01/2026</u>
- Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Thuận Thành	139.333.815	212.138.539
- Công ty TNHH MTV Hoàng Việt Bình Phước	41.449.361	75.742.100
- Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cầu Đường Thái Phát	3.947.378	2.175.526
- Công ty khác	440.040.187	109.770.062
Cộng	<u>624.770.741</u>	<u>399.826.227</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6 .13 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2026		Số phải nộp		Số đã thực nộp		30/06/2026	
	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	Thuế phải thu	Thuế phải nộp	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	-	2.736.034.430	924.220.532	-	-	1.811.813.898	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	549.388.497	262.302.681	926.233.009	114.541.831	-	-	
Thuế thu nhập cá nhân	-	35.610.391	64.773.682	85.798.289	-	-	14.585.784	
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	63.642.686	63.642.686	-	-	-	
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	230.032.000	345.038.001	-	-	-	
Các thuế khác	-	115.006.001	149.022.328	149.022.328	-	-	-	
Cộng	-	700.004.889	3.505.807.807	2.493.954.845	114.541.831	-	1.826.399.682	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

		30/06/2026	01/01/2026
6 .14	CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN		
	- Tiền điện	-	316.084.822
	- Chi phí khác	115.000.000	95.000.000
	Cộng	115.000.000	411.084.822
6 .15	PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC		
	- Kinh phí công đoàn, Bảo hiểm xã hội	4.067.100	4.380.300
	- Nhận ký quỹ, ký cược	1.365.000.000	1.365.000.000
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.842.400	50.159.142
	Cộng	1.372.909.500	1.419.539.442
6 .16	VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH		
6.16.1.	Ngắn hạn		
		30/06/2026	01/01/2026
	Ngân hàng Viettinbank- CN Bình Dương	-	2.571.432.000
	Cộng	-	2.571.432.000
6.16.2.	Dài hạn		
	Ngân hàng Viettinbank- CN Bình Dương	-	13.499.994.000
	Cộng	-	13.499.994.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

6.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2025	30.415.420.000	209.074.994	23.242.692.505	910.414.350	102.657.670	54.880.259.519
- Lợi nhuận tăng/ (giảm) trong kỳ	-	-	-	882.270.383	(7.642.103)	874.628.280
- Trích lập các quỹ						
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban điều hành	-	-	-	(54.885.500)		(54.885.500)
Số dư tại ngày 30/06/2025	30.415.420.000	209.074.994	23.242.692.505	1.737.799.233	95.015.567	55.700.002.299
- Lợi nhuận tăng/ (giảm) trong kỳ	-	-	-	4.463.571.897	36.038.153	4.499.610.050
- Tăng /(Giảm) khác từ hợp nhất	-	-	-	503.926.664	-	503.926.664
- Trích lập các quỹ						
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(50.000.000)	-	(50.000.000)
Số dư tại ngày 31/12/2025	30.415.420.000	209.074.994	23.242.692.505	6.655.297.794	131.053.720	60.653.539.013
Số dư tại ngày 01/01/2026	30.415.420.000	209.074.994	23.242.692.505	6.655.297.794	131.053.720	60.653.539.013
- Lợi nhuận tăng/ (giảm) trong kỳ	-	-	-	343.588.619	(6.163.799)	337.424.820
- Điều chỉnh khác				(1.222.763)		(1.222.763)
- Trích lập các quỹ (*)						-
+ Quỹ đầu tư phát triển	-	-	1.336.460.600	(1.336.460.600)	-	-
+ Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT, thưởng ban điều hành	-	-	-	(484.584.300)	-	(484.584.300)
Số dư tại ngày 30/06/2026	30.415.420.000	209.074.994	24.579.153.105	5.176.618.750	124.889.921	60.505.156.770

(*) Công ty phân phối lợi nhuận năm 2025 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2026.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6.17.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2026	01/01/2026
- Công ty CP Vật liệu & Xây Dựng Bình Dương	9.137.940.000	9.137.940.000
- Công ty CP Đá Núi Nhỏ	7.402.420.000	7.102.420.000
- Bà Lâm Thị Mai	2.848.000.000	2.848.000.000
- Vốn góp của cổ đông khác	11.027.060.000	11.327.060.000
Cộng	30.415.420.000	30.415.420.000

Công ty không phát hành trái phiếu

6.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	30.415.420.000	30.415.420.000
+ Vốn góp cuối kỳ	30.415.420.000	30.415.420.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

6.17.4. Cổ phiếu

	30/06/2026	01/01/2026
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.041.542 CP	3.041.542 CP
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.041.542 CP	3.041.542 CP
+ Cổ phiếu phổ thông	3.041.542 CP	3.041.542 CP
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.041.542 CP	3.041.542 CP
+ Cổ phiếu phổ thông	3.041.542 CP	3.041.542 CP
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

6.17.5. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	:	không phát sinh	không phát sinh
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	:	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	:	không phát sinh	không phát sinh

6.17.6. Các quỹ của doanh nghiệp

	30/06/2026	01/01/2026
- Quỹ đầu tư phát triển	24.579.153.105	23.242.692.505

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Doanh thu kinh doanh vật liệu xây dựng	50.123.421.022	33.590.781.470
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.950.229.646	11.060.093.817
Cộng	59.073.650.668	44.650.875.287

Trong đó, giao dịch với các bên liên quan

Công ty Cổ phần Vật Liệu & Xây Dựng Bình Dương

33.024.531.585

7.626.185.297

Công ty CP Đá Núi Nhỏ

20.918.433.888

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

59.073.650.668

44.650.875.287

7.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Giá vốn kinh doanh vật liệu xây dựng	46.779.402.937	31.120.400.829
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	6.579.840.963	8.960.544.771
Cộng	53.359.243.900	40.080.945.600

7.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Lãi tiền gửi	163.073.468	114.538.593
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	-	7.178.100
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	30.800	56.000
Cộng	163.104.268	121.772.693

7.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Chi phí lãi vay	450.285.077	284.241.483
- Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	106.750	(476.946)
Cộng	450.391.827	283.764.537

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

- Chi phí nhân viên bán hàng
- Chi phí công cụ, dụng cụ
- Chi phí dịch vụ mua ngoài

Cộng

6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
422.464.343	477.368.010
24.060.000	2.430.000
98.191.316	103.466.257
544.715.659	583.264.267

7.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu
- Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao, sửa chữa TSCĐ
- Thuế, phí, lệ phí
- Trích lập/ (Hoàn nhập) Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

Cộng

6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
1.370.292.589	1.276.261.419
88.839.695	69.363.819
41.948.891	26.625.994
105.537.006	68.003.588
67.802.686	36.360.407
(5.000.000)	-
590.540.398	306.462.663
539.206.724	265.558.991
2.799.167.989	2.048.636.881

7.7 THU NHẬP KHÁC

- Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ

Cộng

6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
-	138.888.889
-	138.888.889

7.8 CHI PHÍ KHÁC

- Phí tất toán nợ gốc vay trước hạn
- Các khoản phạt, tiền chậm nộp thuế
- Chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
- Chi phí khác

Cộng

6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
374.999.900	-
195.189.194	-
115.032.000	115.016.000
790.703.324	704.727.708
1.475.924.418	819.743.708

7.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Cộng

6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
261.079.918	222.668.676
261.079.918	222.668.676

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7.10 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Chi phí/ (Hoàn nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời	17.078.180	1.435.620
- Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(8.271.775)	(3.550.700)
Cộng	8.806.405	(2.115.080)

7.11 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	343.588.619	882.270.383
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (ước tính)	(34.358.862)	(88.227.038)
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.041.542	3.041.542
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	102	261

7.12 LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	343.588.619	882.270.383
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế (ước tính)	(34.358.862)	(88.227.038)
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.041.542	3.041.542
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	102	261

7.13 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.738.143.172	2.404.676.292
- Chi phí nhân công	2.467.149.980	2.934.500.714
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.783.925.894	2.585.586.920
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.550.827.983	2.149.341.283
- Chi phí bằng tiền khác	602.009.916	302.026.347
Cộng	8.142.056.945	10.376.131.556

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**8.1 Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng**

Không có khoản tiền và tương đương tiền lớn nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện.

8.2 Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	-	18.000.000.000

8.3 Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ

	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	16.071.426.000	642.858.000

9 . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**9.1 Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có****9.2 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán: không có****9.3 Thông tin về các bên liên quan****9.3.1. Bên có liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương	Cổ đông lớn
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ	Cổ đông lớn, công ty liên kết của Công ty CP Vật liệu và Xây Dựng Bình Dương

9.3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị (HĐQT), Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng như sau:

Họ và tên	Chức danh	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Ông Phạm Thanh Liêm	Chủ tịch HĐQT (từ 01/01/2026)	51.382.922	-
Ông Nguyễn Hồng Châu	Thành viên HĐQT	91.654.733	-
Bà Lâm Thị Mai	Thành viên HĐQT	45.827.367	-
Ông Lâm Thành Lâm	Thành viên HĐQT, Giám đốc	387.557.200	228.846.000
Bà Bùi Hoài Châu	Thành viên HĐQT độc lập	51.382.922	-
Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên HĐQT (đã mãn nhiệm)	5.555.556	-
Ông Huỳnh Minh Tâm	Trưởng Ban Kiểm soát	45.827.367	-
Bà Phan Thị Thuyền Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	14.580.400	-
Ông Hồ Huyền Trang	Thành viên Ban Kiểm soát	14.580.400	-
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Kế toán trưởng	239.037.100	151.916.400
Cộng		947.385.967	380.762.400

TNHH
VỤ TƯ VẤN
KẾ TOÁN
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
TP. HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	6 tháng	6 tháng
		đầu năm 2026	đầu năm 2025
Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương			
	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ, bán máy móc, thiết bị	36.326.984.743	8.236.280.121
	Đã thu tiền cung cấp dịch vụ, bán máy móc, thiết bị	19.646.970.433	7.779.468.193
	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	31.217.416.284	26.638.623.310
	Đã trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	33.404.778.459	24.650.842.334
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải thu tiền bán máy móc, thiết bị	23.010.277.277	-
	Đã thu tiền bán máy móc, thiết bị	23.010.277.277	-
	Phải trả tiền mua hàng	11.607.946.250	9.628.783.820
	Đã trả tiền mua hàng	11.440.424.226	9.179.302.891

- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2026 tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	30/06/2026	01/01/2026
Công ty Cổ Phần Vật Liệu và Xây Dựng Bình Dương			
	Phải thu tiền cung cấp dịch vụ, bán máy móc, thiết bị	18.434.014.032	1.753.999.722
	Phải trả tiền mua vật liệu, hàng hoá và dịch vụ khác	-	2.187.362.175
Công ty Cổ Phần Đá Núi Nhỏ			
	Phải trả tiền mua hàng	2.653.806.254	2.486.284.230

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI NHỊ HIỆP VÀ CÔNG TY CON

Số 34 ĐT743, P. Tân Đông Hiệp, TP. HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2026

9.4 Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

9.4.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Công ty chỉ sản xuất kinh doanh trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

9.4.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Kinh doanh vật liệu xây dựng		Cung cấp dịch vụ, khác		Tổng	
	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	6 tháng đầu năm 2025
Kết quả kinh doanh bộ phận						
- Doanh thu	50.123.421.022	33.590.781.470	8.950.229.646	11.060.093.817	59.073.650.668	44.650.875.287
- Giá vốn	46.779.402.937	31.120.400.829	6.579.840.963	8.960.544.771	53.359.243.900	40.080.945.600
- Lợi nhuận gộp	3.344.018.085	2.470.380.641	2.370.388.683	2.099.549.046	5.714.406.768	4.569.929.687
Tài sản bộ phận						
Tài sản cố định hữu hình						
Nguyên giá	5.149.652.449	18.573.691.419	80.500.000	62.527.260.837	5.230.152.449	81.100.952.256
Hao mòn lũy kế	(266.452.806)	(13.149.308.388)	(57.899.630)	(6.573.828.575)	(324.352.436)	(19.723.136.963)
Giá trị còn lại	4.883.199.643	5.424.383.031	22.600.370	55.953.432.262	4.905.800.013	61.377.815.293



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9.5 MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	30/06/2026	01/01/2026
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	77,9%	26,5%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	22,1%	73,5%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	14,3%	30,3%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	85,7%	69,7%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	1,17	0,70
Khả năng thanh toán nhanh	lần	5,31	1,49
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	5,44	1,79
		6 tháng	6 tháng
		đầu năm 2026	đầu năm 2025
Tỷ suất sinh lợi			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	0,44%	2,45%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	0,57%	1,96%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	0,33%	1,2%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	0,43%	1,0%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân			
	%	0,56%	1,6%

9.6 ĐIỀU CHỈNH TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH KỲ TRƯỚC DO CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CỦA KỲ NÀY: Không có**9.7 THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Hiện nay, Công ty Cổ Phần Sông Phan đang dừng sản xuất.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9.8 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2025 đã được soát xét và phân loại lại theo Thông tư 99/2025/2014/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính như sau:

Chỉ tiêu	Mã số mới	Mã số cũ	01/01/2026 (Đã phân loại lại)	31/12/2025 (Theo báo cáo trước đây)
1. Các khoản tương đương tiền	112	112	7.621.657.500	7.600.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	123	2.527.000.000	2.500.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	135	136	176.480.832	225.138.332

Phê duyệt, ngày 13 tháng 8 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG

LÂM THÀNH LÂM